

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2025

DỰ THẢO

I. Bảng cân đối kế toán

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	<u>481.314.059.374</u>	<u>392.682.169.504</u>
1	Tiền và tương đương tiền	32.972.141.056	70.440.053.820
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	444.564.282.091	319.609.477.900
4	Hàng tồn kho	3.356.281.081	2.042.908.440
5	Tài sản ngắn hạn khác	421.355.146	589.729.344
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	<u>766.514.926.428</u>	<u>883.321.798.527</u>
1	Các khoản phải thu dài hạn	3.500.000	54.700.000
2	Tài sản cố định	668.375.692.138	795.735.645.110
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Tài sản dở dang dài hạn	14.567.503.215	3.095.175.212
5	Tài sản dài hạn khác	83.568.231.075	84.436.278.205
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	<u>1.247.828.985.802</u>	<u>1.276.003.968.031</u>
III	NỢ PHẢI TRẢ	<u>281.029.510.802</u>	<u>369.661.070.001</u>
1	Nợ ngắn hạn	247.454.510.802	280.682.070.477
2	Nợ dài hạn	33.575.000.000	88.978.999.524
IV	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	<u>966.799.475.000</u>	<u>906.342.898.030</u>
1	Vốn chủ sở hữu	966.799.475.000	906.342.898.030
	<i>Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>668.509.750.000</i>	<i>668.509.750.000</i>
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>1.247.828.985.802</u>	<u>1.276.003.968.031</u>

II. Kết quả hoạt động SXKD

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	367.175.113.078	296.141.935.115
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	367.175.113.078	296.141.935.115
4 Giá vốn hàng bán	195.556.792.560	183.447.996.926
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.618.320.518	112.693.938.189
6 Doanh thu hoạt động tài chính	28.902.336.984	4.537.484.392
7 Chi phí tài chính	15.258.427.803	28.327.769.496
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>14.863.871.628</i>
8 Chi phí bán hàng	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.476.011.987	13.687.376.348
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	170.786.217.712	75.216.276.737
11 Thu nhập khác	361.405.860	
12 Chi phí khác	10.000.000	124.695.145
13 Lợi nhuận khác	351.405.860	-124.695.145
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	171.137.623.572	75.091.581.592
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.759.891.992	4.778.774.246
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>162.377.731.580</u>	<u>70.312.807.346</u>
18 Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.384</u>	<u>1.027</u>